

Số: 61 /2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên
địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 – 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019 – 2020 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019-2020 áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý, khai thác công trình thủy lợi; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, khai thác, thụ hưởng công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2019 – 2020 thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2020 (viết tắt là Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND).

3. Giá dịch vụ thủy lợi đối với diện tích đất trồng lúa, nuôi trồng thủy sản được cung ứng dịch vụ tiêu thoát nước, ngăn triều cường, ngăn mặn, giữ ngọt tạo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

a) Vụ Đông Xuân: giá cụ thể bằng 20% mức tưới trọng lực của Biểu giá cụ thể dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND.

b) Vụ Hè Thu: giá cụ thể bằng 30% mức tưới trọng lực của Biểu giá cụ thể dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND.

Điều 2. Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

1. Khi thu tiền cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, các đơn vị lập sử dụng hóa đơn cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định.

2. Nguồn thu từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phần còn lại được để lại đơn vị sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã và thành phố Huế phối hợp các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thống kê diện tích, xác định, phân loại vùng và biện pháp công trình để triển khai đầu thầu hoặc đặt hàng quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn và áp dụng mức thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; kiểm tra việc thực hiện công tác thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; lập phương án điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho phù hợp với tình hình thực tế theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án, dự toán, điều chỉnh mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu từ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Giao Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm quản lý, khai thác và ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân có sử dụng dịch vụ thủy lợi làm cơ sở cho việc thu giá dịch vụ thủy lợi.

4. Dự toán kinh phí dịch vụ thủy lợi tiêu thoát nước, ngăn triều cường, ngăn mặn, giữ ngọt tạo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp được lập và khấu trừ trong dự toán kinh phí nhà nước cấp miễn thu dịch vụ thủy lợi của các đơn vị, địa phương.

5. Các đơn vị cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phải thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá, tổ chức thực hiện thu theo quy định pháp luật về giá.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2019; Bãi bỏ Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 95/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định giá dịch vụ thủy lợi đối với vùng được tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu, ngăn mặn giữ ngọt và tưới tiêu chủ động một phần từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Giám đốc Công ty



Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế; các tổ chức, đơn vị, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi và các đối tượng có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NĐ, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

